

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G

Địa chỉ: Tầng 1, 2 Tòa nhà PVL L, số 05 đường D, phường L, Tp. T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H, chức vụ: chuyên viên tố tụng Công ty Luật TNHH MTV S, theo văn bản ủy quyền số 01/2022/UQ-SL ngày 01/7/2022 của ông Trương Ngọc Á, giám đốc Công ty Luật TNHH MTV S.

Địa chỉ: số 89 H, phường H, quận C, Tp. Đà Nẵng

- Bị đơn: Bà Phạm Thị M, SN: 1983

Địa chỉ: thôn K, xã C, huyện P, Bình Định

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 20.176.250 đồng (bao gồm nợ gốc là 17.835.414 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/4/2020 là 2.340.836 đồng). Thời hạn trả nợ trên chia làm 04 lần, cụ thể như sau:

+ Lần thứ 1 vào ngày 28/12/2022 trả số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

+ Lần thứ 2 vào ngày 28/3/2023 trả số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

+ Lần thứ 3 vào ngày 28/6/2023 trả số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

+ Lần thứ 4 vào ngày 28/9/2023 trả số tiền còn lại là 5.176.250 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH mua bán nợ G không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 06/4/2020.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị M tự nguyện thỏa thuận chịu 504.406 đồng (Năm trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng).

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền tạm ứng án phí là 504.406 đồng (Năm trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng) theo biên lai thu số 00....ngày của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự huyện Phù Cát;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Minh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).